

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 24 - BC/BTGTU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày 13 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

**kết quả thăm dò dư luận xã hội về chủ trương khám sức khỏe định kỳ,
khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn thành phố**

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG	
ĐẾN	Số: 81465
	Ngày: 13/10/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	
ĐƠN VỊ	CHỦ THAM
CT Đ.T.Trung	X
PCT TT L.A.Quân	X
PCT L.T.Kiên	X
PCT Đ.T.Đức	X
PCT N.M.Hùng	X
PCT T.V.Quân	X
PCT H.M.Cường	X
Q.CVP N.H.Long	X
PCVP T.V.Thiên	X
PCVP N.T.Hùng	X
PCVP P.A.Tuấn	X
PCVP P.H.Hoàng	X
PCVP T.N.Hùng	X
P. NV&KTGS	
P. NC	
P. NN&MT	
P. TC	
P. TH	
P. VX	X
P. XD&CT	
Ban TCDTP	
P. HC-QT	
TTPVHCCTP	
TTHN&NKTP	
Cổng TTĐTTP	

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về công tác nắm bắt, nghiên cứu và định hướng dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức khảo sát, thăm dò dư luận xã hội chủ trương khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn thành phố, kết quả cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN TRIỂN KHAI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Nội dung:
Phiếu khảo sát gồm 19 câu hỏi đánh giá toàn diện về nhận thức, mức độ đồng thuận, thực trạng triển khai đến khó khăn, nguyên nhân và giải pháp, qua đó làm cơ sở tham mưu nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của chủ trương khám sức khỏe toàn dân trên địa bàn thành phố.

2. Hình thức: Khảo sát, thăm dò trực tuyến qua nền tảng Google forms (Online trực tuyến).

3. Thời gian: Từ 7h30 ngày 08/10/2026 đến hết ngày 10/10/2026.

4. Số lượng, đặc điểm người tham gia: 49.796 lượt trả lời.

Giới tính: Nam 14.098 (28,31%); Nữ 35.698 (71,69%).

Độ tuổi: Dưới 18 tuổi: 3.620 (7,27%); 18-30: 6.908 (13,87%); 31-45: 21.097 (42,37%); 46-60: 15.524 (31,18%); 61-70: 2.189 (4,40%); trên 70: 458 (0,92%).

Nghề nghiệp: Cán bộ, công chức, viên chức: 31.565 (63,39%); học sinh, sinh viên: 6.554 (13,16%); công nhân, lao động: 4.606 (9,25%); nghỉ hưu: 3.022 (6,07%); nhân viên y tế: 1.510 (3,03%); nông dân: 895 (1,80%); lao động tự do: 713 (1,43%); kinh doanh, dịch vụ: 416 (0,84%); lực lượng vũ trang: 400 (0,80%); Nội trợ: 115 (0,23%); khác: 1.526 (3,06%).

Khu vực cư trú: Nông thôn: 25.696 (51,60%); đô thị: 23.508 (47,21%); đặc khu: 592 (1,19%).

II. KẾT QUẢ THĂM DÒ DƯ LUẬN XÃ HỘI

Qua tổng hợp, phân tích các ý kiến phản hồi, dư luận xã hội có thể khái quát thành 05 nhóm vấn đề trọng tâm sau:

1. Nhóm ý kiến về nhận biết, nhận thức và mức độ đồng thuận

Kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức và mức độ đồng thuận của người dân đối với chủ trương khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí nhìn chung ở mức cao.

Mức độ nhận biết: 42,22% biết rất rõ; 39,36% biết khá rõ; 13,97% đã biết nhưng chưa nắm rõ nội dung cụ thể; 3,29% chỉ nghe qua thông tin; 1,16% chưa biết. Tổng số biết khá rõ hoặc rất rõ là 81,58%.

Nguồn tiếp cận thông tin: Từ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học (58,07%); từ chính quyền địa phương, tổ dân phố, thôn, khu dân cư (57,96%); từ báo chí, phát thanh, truyền hình (22,55%); từ cơ sở y tế, nhân viên y tế (18,37%); từ mạng xã hội, Internet (18,18%); từ các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể (9,27%); từ người thân, bạn bè (6,83%); không rõ nguồn thông tin (1,59%); khác (2,38%).

Tính cần thiết: 58,77% rất cần thiết; 32,44% cần thiết; 5,72% tương đối cần thiết; 1,97% chưa thấy rõ sự cần thiết; 0,55% không cần thiết; 0,55% khó đánh giá. Tổng cộng 91,21% đánh giá rất cần thiết hoặc cần thiết; nếu tính cả mức tương đối cần thiết, tỷ lệ đạt 96,92%.

Mức độ đồng tình: 59,98% hoàn toàn đồng tình; 35,93% đồng tình; 3,07% còn phân vân; 0,76% không đồng tình; 0,26% hoàn toàn không đồng tình. Tổng cộng 95,91% đồng tình hoặc hoàn toàn đồng tình.

Đối với việc chuyển từ tư duy "chữa bệnh" sang "phòng bệnh": 61,87% đánh giá rất tích cực và rất cần thiết; 30,59% tích cực và cần thiết; 5,98% tương đối cần thiết; 1,03% chưa thấy rõ ý nghĩa; 0,17% chưa quan tâm; 0,36% chưa có đủ thông tin. Tổng cộng 92,46% đánh giá tích cực.

2. Nhóm ý kiến đánh giá kết quả triển khai chủ trương khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí

Về tình hình triển khai: 44,85% đánh giá rất tốt; 36,02% khá tốt; 9,77% đạt yêu cầu nhưng chưa đồng đều; 5,74% còn nhiều hạn chế; 1,62% chưa đáp ứng yêu cầu; 2,00% không biết. Tổng cộng 80,88% đánh giá tích cực.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: 43,00% đánh giá rất tốt; 39,78% khá tốt; 9,47% đạt yêu cầu nhưng chưa đồng đều; 4,55% còn hạn chế; 1,38% chưa tốt; 1,82% không biết. Tổng cộng 82,78% đánh giá tích cực.

Mức độ thuận lợi trong tiếp cận: 39,21% rất thuận lợi; 43,06% khá thuận lợi; 13,92% bình thường; 2,20% còn khó khăn; 0,33% rất khó khăn; 1,27% không biết. Tổng cộng 82,27% đánh giá thuận lợi.

Chất lượng khám, sàng lọc và tư vấn: 32,16% rất tốt; 36,41% khá tốt; 17,76% đạt yêu cầu; 7,91% còn hạn chế; 3,76% chưa đáp ứng kỳ vọng; 2,00% không biết. Tổng cộng 68,57% đánh giá từ khá tốt trở lên; nếu tính cả mức đạt yêu cầu, tỷ lệ này đạt 86,33%.

Mức độ quan tâm, trách nhiệm của chính quyền và ngành Y tế: 37,52% rất cao; 43,46% khá cao; 12,52% trung bình; 4,18% còn hạn chế; 0,66% đánh giá thấp; 1,65% không biết. Tổng cộng 80,98% đánh giá tích cực.

Tổ chức khám cho học sinh, người lao động: 38,59% rất tốt; 38,93% khá tốt; 11,88% đạt yêu cầu nhưng chưa đồng đều; 5,04% còn hạn chế; 3,25% chưa đáp ứng; 2,32% không biết. Tổng cộng 77,53% đánh giá tích cực.

3. Nhóm ý kiến thể hiện tâm trạng, niềm tin và những vấn đề dư luận quan tâm

Về mức độ tin tưởng: 36,98% rất tin tưởng; 40,20% khá tin tưởng; 15,94% trung bình; 4,86% chưa thực sự tin tưởng; 0,94% không tin tưởng; 1,07% không biết. Tổng cộng 77,18% rất tin tưởng hoặc khá tin tưởng.

Về những vấn đề người dân quan tâm, băn khoăn nhất đối với chương trình: Chất lượng và độ chính xác của kết quả khám (74,49%); nội dung, phạm vi khám và khả năng phát hiện sớm (56,41%); thời gian, địa điểm và sự thuận tiện (38,43%); tư vấn, hướng dẫn sau khám (23,34%); năng lực của y tế cơ sở (20,71%); thời gian chờ đợi và quy trình khám (17,24%); lo ngại khả năng duy trì chính sách (16,20%); cập nhật, quản lý kết quả trên hệ thống điện tử (8,51%); bảo mật thông tin sức khỏe cá nhân (6,83%); không có vấn đề gì đáng quan tâm (1,89%).

4. Nhóm ý kiến về tính thiết thực và những khó khăn trong sử dụng Hồ sơ sức khỏe điện tử/Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID

Về tính thiết thực của việc cập nhật kết quả khám vào Hồ sơ sức khỏe điện tử/Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID: 54,83% rất thiết thực; 30,68% khá thiết thực; 8,28% tương đối hữu ích nhưng cần hoàn thiện; 4,50% còn khó sử dụng; 1,05% chưa thấy rõ hiệu quả; 0,66% không biết. Tổng cộng 85,51% đánh giá rất hoặc khá thiết thực; nếu tính cả mức tương đối hữu ích, tỷ lệ đạt 93,80%.

Về những khó khăn chủ yếu trong tiếp cận và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử/VNeID: Khó sử dụng ứng dụng, nhất là người cao tuổi (68,65%); hệ thống, phần mềm đôi lúc chưa ổn định (47,53%); thông tin cá nhân, bảo hiểm y tế hoặc kết quả khám chưa được cập nhật đầy đủ (46,01%); khó khăn về thiết bị công nghệ hoặc kết nối Internet (22,52%); lo ngại về bảo mật thông tin (17,91%); chưa được hướng dẫn đầy đủ (16,15%); không gặp khó khăn đáng kể (7,04%); không biết (1,85%); khác (2,37%).

5. Nhóm ý kiến về khó khăn, giải pháp và kiến nghị trong triển khai chương trình

Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến triển khai: Khối lượng người cần khám lớn, thời gian hạn chế (68,97%); người dân bận công việc, mưu sinh, khó bố trí thời gian (50,02%); thời gian, địa điểm tổ chức khám chưa thuận tiện (35,26%);

khó khăn trong tiếp cận của người cao tuổi, khuyết tật, hạn chế đi lại (32,03%); cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng (30,17%); tâm lý chủ quan, chưa hình thành thói quen khám định kỳ (17,40%); tình trạng thiếu nhân lực y tế hoặc áp lực công việc lớn (15,70%); hạ tầng công nghệ, phần mềm và dữ liệu chưa đồng bộ (9,81%); công tác thông tin, tuyên truyền chưa đầy đủ, kịp thời (4,48%); sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có lúc chưa chặt chẽ (3,94%); không có khó khăn đáng kể (2,28%); không biết (1,38%); khác (1,22%).

Giải pháp ưu tiên: Duy trì khám sức khỏe định kỳ hằng năm, có kế hoạch và lộ trình cụ thể (79,40%); đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị (68,02%); bổ sung, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực y tế (59,72%); tăng cường hỗ trợ chuyên môn tuyến trên cho y tế cơ sở (47,69%); tổ chức khám lưu động cho người cao tuổi, khuyết tật và các nhóm khó tiếp cận (47,19%); nâng cao chất lượng khám, sàng lọc và tư vấn sau khám (31,49%); cải thiện thời gian, địa điểm và quy trình tổ chức khám (17,87%); tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tránh chạy theo thành tích (13,49%); đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân chủ động tham gia (12,85%); hoàn thiện Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử và liên thông dữ liệu (12,80%); tăng cường phối hợp giữa chính quyền, ngành Y tế, trường học, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan (9,87%); xây dựng giải pháp hỗ trợ các nhóm yếu thế tiếp cận đầy đủ dịch vụ (8,03%); xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu (7,26%); khác (2,44%).

Mức độ sẵn sàng tham gia: 49,17% hoàn toàn sẵn sàng; 41,81% sẵn sàng; 6,49% còn cân nhắc; 1,13% ít có khả năng; 0,73% không sẵn sàng; 0,66% chưa đủ thông tin. Tổng cộng 90,98% sẵn sàng hoặc hoàn toàn sẵn sàng tham gia.

Đề xuất, kiến nghị: 16.466 câu trả lời, tập trung vào nâng cao chất lượng khám, đảm bảo danh mục khám và xét nghiệm, công khai kết quả, tăng cường tư vấn sau khám, xác định rõ đối tượng thụ hưởng, bố trí thời gian, địa điểm phù hợp, bổ sung trang thiết bị, nhân lực và bảo mật thông tin.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về trạng thái, xu hướng dư luận xã hội

Dư luận qua khảo sát nhìn chung có xu hướng tích cực, thể hiện mức độ đồng thuận cao đối với tính cần thiết và ý nghĩa của chủ trương khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí. Người tham gia khảo sát nhận thức được vai trò của chăm sóc sức khỏe chủ động, phòng bệnh, phát hiện sớm và quản lý sức khỏe lâu dài; đồng thời kỳ vọng chương trình được triển khai đồng bộ, thiết thực và bền vững.

Tuy nhiên, mức độ đồng thuận với chủ trương không đồng nghĩa với sự yên tâm hoàn toàn về chất lượng và hiệu quả thực hiện. Nhận thức về nội dung, cách thức triển khai còn chưa đồng đều; một bộ phận người tham gia vẫn băn khoăn về chất lượng chuyên môn, điều kiện tổ chức và khả năng tiếp cận dịch vụ. Vì vậy,

cần kết hợp cung cấp thông tin chính thống với việc giải quyết những vấn đề thực tế ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm và niềm tin của người dân.

2. Những vấn đề dư luận quan tâm

Mối quan tâm nổi bật của người dân tập trung vào chất lượng chuyên môn, độ chính xác của kết quả khám, khả năng phát hiện sớm bệnh tật và hiệu quả tư vấn, theo dõi sau khám. Đây là những yếu tố trực tiếp quyết định giá trị thực chất của chương trình và mức độ tin tưởng của người dân đối với dịch vụ y tế.

Bên cạnh đó, áp lực tổ chức khám, thời gian và địa điểm triển khai, năng lực đáp ứng của cơ sở y tế, nhân lực và trang thiết bị, cũng như khả năng tiếp cận của người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm có hoàn cảnh khó khăn là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết.

Việc cập nhật, liên thông hồ sơ sức khỏe điện tử được kỳ vọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sức khỏe, song cần khắc phục những hạn chế về tính đầy đủ, ổn định của dữ liệu, khả năng sử dụng và bảo mật thông tin cá nhân. Những vấn đề này cho thấy yêu cầu của người dân không chỉ dừng ở việc được tiếp cận dịch vụ miễn phí mà còn hướng tới chất lượng khám, tính thuận tiện, công bằng và hiệu quả chăm sóc sức khỏe lâu dài.

3. Về niềm tin, mức độ đồng thuận và kỳ vọng của Nhân dân

Người tham gia khảo sát nhìn chung có mức độ tin tưởng và đồng thuận cao đối với chủ trương; đồng thời kỳ vọng cấp ủy, chính quyền và ngành Y tế quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả, thiết thực và bền vững. Niềm tin của người dân gắn liền với kết quả triển khai thực tế, nhất là chất lượng chuyên môn, khả năng phát hiện sớm bệnh tật, hiệu quả tư vấn và theo dõi sức khỏe sau khám.

Người dân mong muốn chương trình được duy trì ổn định theo chủ trương, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ, nâng cao năng lực y tế cơ sở và khắc phục những khó khăn trong tổ chức thực hiện. Điều này cho thấy bên cạnh sự đồng thuận với chủ trương, người dân đặc biệt quan tâm đến hiệu quả thụ hưởng thực chất và tính bền vững của chương trình.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG ĐỊNH HƯỚNG DƯ LUẬN XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

Từ kết quả khảo sát, cần tập trung định hướng dư luận xã hội theo hướng nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận và khuyến khích người dân chủ động tham gia chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí; đồng thời kịp thời nắm bắt, giải đáp những băn khoăn, kiến nghị, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện chính sách. Trọng tâm là:

1. Định hướng nhận thức về ý nghĩa, lợi ích của chương trình

Tiếp tục tuyên truyền, làm rõ ý nghĩa nhân văn, lợi ích thiết thực của chủ trương khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí; nhấn mạnh vai trò của

chăm sóc sức khỏe chủ động, phòng bệnh, phát hiện sớm và quản lý sức khỏe lâu dài. Cung cấp thông tin phù hợp với từng nhóm đối tượng, góp phần nâng cao nhận thức và hình thành thói quen khám sức khỏe định kỳ trong Nhân dân.

2. Tăng cường thông tin chính thống, kịp thời giải đáp băn khoăn về chất lượng và quy trình khám

Chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về đối tượng, lộ trình, phương thức tổ chức, danh mục khám và quyền lợi của người dân; làm rõ các yêu cầu về chuyên môn, độ tin cậy của kết quả, tư vấn và theo dõi sau khám. Kịp thời thông tin về những khó khăn, hạn chế và biện pháp khắc phục; tiếp nhận, giải đáp các phản ánh, kiến nghị chính đáng, bảo đảm thông tin công khai, minh bạch, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Định hướng sử dụng Sổ sức khỏe điện tử, nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Tuyên truyền lợi ích của việc số hóa, cập nhật và khai thác hồ sơ sức khỏe điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Chú trọng hỗ trợ người cao tuổi, người hạn chế kỹ năng công nghệ; thông tin rõ về việc quản lý, sử dụng và bảo vệ dữ liệu sức khỏe cá nhân, góp phần tạo sự yên tâm khi tiếp cận các tiện ích số trong lĩnh vực y tế.

4. Định hướng dư luận về bảo đảm công bằng, thuận lợi trong tiếp cận dịch vụ

Tuyên truyền, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện chương trình; quan tâm những vấn đề liên quan đến thời gian, địa điểm, điều kiện khám, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực y tế. Chú trọng phản ánh nhu cầu, khó khăn của người cao tuổi, người khuyết tật, người lao động tại các khu công nghiệp và các nhóm khó tiếp cận dịch vụ; kiến nghị cơ quan chức năng có giải pháp phù hợp, tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ thuận lợi, bình đẳng.

5. Củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận đối với việc triển khai chính sách

Thông tin kịp thời về chủ trương, định hướng và tiến độ triển khai chương trình theo các quyết định, kế hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành; chú trọng phản ánh kết quả thực chất, mô hình hiệu quả và những chuyển biến trong chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đồng thời, gắn việc tuyên truyền, tạo đồng thuận với nâng cao chất lượng dịch vụ, giải quyết những bất cập phát sinh và làm rõ các giải pháp bảo đảm tính liên tục, hiệu quả, bền vững của chương trình.

6. Chủ động nắm bắt, phân tích và định hướng dư luận trước các vấn đề phát sinh

Tăng cường theo dõi thông tin trên báo chí, mạng xã hội và phản ánh từ cơ sở; kịp thời nhận diện những vấn đề được người dân quan tâm, những biểu hiện bất khoản, chưa đồng thuận hoặc nguy cơ phát sinh dư luận phức tạp. Phối hợp xác minh, cung cấp thông tin chính xác, giải đáp kiến nghị và tham mưu xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền; chủ động cung cấp thông tin phản bác những nội dung sai lệch, chưa được kiểm chứng, đồng thời tôn trọng, tiếp thu các ý kiến phản ánh khách quan, chính đáng của người dân.

Việc định hướng dư luận cần bảo đảm khách quan, đúng thực tế, lấy hiệu quả thực hiện chính sách và mức độ hài lòng của người dân làm cơ sở; kết hợp chặt chẽ giữa cung cấp thông tin, giải đáp bất khoản và kiến nghị giải quyết những vấn đề phát sinh, qua đó củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội và thúc đẩy người dân chủ động tham gia chương trình.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM, THEO DÕI TRONG THỜI GIAN TỚI

Qua kết quả khảo sát, bên cạnh xu hướng dư luận cơ bản ổn định, tích cực, vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục quan tâm, theo dõi và chủ động nắm bắt. Trên cơ sở đó, cấp ủy, chính quyền các cấp, sở, ban, ngành và đơn vị liên quan cần kịp thời tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn, định hướng dư luận, tập trung vào các nội dung sau:

1. Tiến độ triển khai, điều kiện tổ chức khám và nguy cơ quá tải

Theo dõi tiến độ, phương thức tổ chức khám tại các địa bàn, đơn vị; chú ý nguy cơ tập trung đông người, quá tải tại các điểm khám, kéo dài thời gian chờ đợi hoặc phát sinh bất tiện cho người dân. Kịp thời nắm bắt phản ánh về lịch khám, địa điểm, thủ tục và thời gian tham gia, nhất là đối với người lao động; tham mưu giải pháp điều phối phù hợp, bảo đảm tiến độ gắn với chất lượng phục vụ.

2. Chất lượng chuyên môn và hiệu quả khám, tư vấn, theo dõi sau khám

Quan tâm những phản ánh liên quan đến danh mục khám, độ tin cậy của kết quả, khả năng phát hiện sớm bệnh tật và chất lượng tư vấn sau khám. Theo dõi nguy cơ tổ chức khám hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn hoặc thiếu hướng dẫn đối với các trường hợp cần theo dõi, điều trị tiếp; kịp thời tổng hợp, chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, góp phần bảo đảm hiệu quả thực chất của chương trình và củng cố niềm tin của người dân.

3. Khả năng tiếp cận dịch vụ của các nhóm đối tượng, nhất là nhóm dễ gặp khó khăn

Theo dõi việc tiếp cận dịch vụ của người cao tuổi, người khuyết tật, người hạn chế khả năng đi lại, người lao động tại các khu công nghiệp và các nhóm có điều kiện tiếp cận dịch vụ y tế còn khó khăn. Chú ý các vướng mắc về thời gian, địa điểm, phương thức đăng ký và điều kiện hỗ trợ; kịp thời kiến nghị giải pháp

phù hợp, hạn chế nguy cơ bỏ sót đối tượng hoặc phát sinh cảm nhận thiếu công bằng trong thụ hưởng chính sách.

4. Hạ tầng công nghệ, dữ liệu y tế và bảo vệ thông tin cá nhân

Theo dõi những bất cập trong cập nhật, kết nối, liên thông dữ liệu và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID; chú ý tình trạng dữ liệu chưa đầy đủ, sai lệch, khó tra cứu hoặc khó sử dụng đối với người hạn chế kỹ năng công nghệ. Đồng thời, kịp thời nắm bắt, xác minh các phản ánh liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo mật dữ liệu sức khỏe cá nhân; tham mưu giải pháp khắc phục, bảo đảm an toàn thông tin và tạo sự yên tâm cho người dân.

5. Năng lực y tế cơ sở và tính ổn định, bền vững của chương trình

Quan tâm những khó khăn về nhân lực, trình độ chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị và khả năng phối hợp, hỗ trợ giữa các tuyến y tế; đánh giá tác động của các yếu tố này đến chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu khám của người dân. Đồng thời, theo dõi tâm tư, nguyện vọng và kỳ vọng của người dân về việc duy trì chương trình; kịp thời tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét các giải pháp bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực y tế cơ sở và duy trì hiệu quả chương trình theo chủ trương, kế hoạch được phê duyệt.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với cấp ủy, chính quyền thành phố

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chương trình đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Chú trọng cân đối nguồn lực, nâng cao chất lượng phục vụ, bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ; kịp thời chỉ đạo xử lý những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, mức độ hài lòng và niềm tin của người dân. Việc đánh giá kết quả cần gắn với chất lượng, hiệu quả thụ hưởng thực tế, không chỉ căn cứ vào số lượng người được khám hoặc tiến độ hoàn thành.

2. Đối với ngành Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan

Rà soát, đánh giá năng lực đáp ứng của hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và khả năng phối hợp chuyên môn giữa các tuyến; ưu tiên khắc phục những hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng khám, độ tin cậy của kết quả, khả năng phát hiện sớm bệnh tật và công tác tư vấn, theo dõi sau khám. Chủ động hoàn thiện phương án tổ chức, bố trí thời gian, địa điểm phù hợp, hạn chế quá tải và tạo thuận lợi cho người cao tuổi, người khuyết tật, người lao động tại các khu công nghiệp và các nhóm khó tiếp cận dịch vụ. Đồng thời, đẩy mạnh hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử, nâng cao tính đầy đủ, khả năng cập nhật, liên thông dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân; kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình sử dụng.

3. Đối với các cơ quan làm công tác tuyên giáo, thông tin, truyền thông và hệ thống chính trị cơ sở

Tăng cường phối hợp cung cấp thông tin chính thống, thống nhất, kịp thời về mục tiêu, lộ trình, đối tượng, quyền lợi và kết quả triển khai chương trình; tập trung giải đáp những vấn đề người dân quan tâm, nhất là chất lượng khám, quy trình thực hiện, điều kiện thụ hưởng và bảo vệ dữ liệu sức khỏe cá nhân.

Phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và lực lượng cộng tác viên dư luận xã hội trong nắm bắt, phân tích, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, những băn khoăn và kiến nghị từ cơ sở; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh. Chú trọng thông tin về kết quả khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng phục vụ, bảo đảm định hướng dư luận gắn với thực tiễn triển khai, góp phần củng cố niềm tin và tăng cường đồng thuận trong Nhân dân.

Trên đây là báo cáo kết quả thăm dò dư luận xã hội về chủ trương khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn thành phố.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- UBND thành phố;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH thành phố;
- Văn phòng Thành ủy (để p/h);
- Các sở, ban, ngành;
- Các xã, phường, đặc khu;
- Ban TGTU: + Các đồng chí lãnh đạo Ban;
+ Các phòng chuyên môn;
+ Phòng TT-TH;
+ Lưu VP.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Quang Phúc